

Bản án số: 219/2024/DS-ST
Ngày: 12 - 9 - 2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản và tranh chấp hui”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Trọn.
Ông Trần Văn Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Nhật là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 11 và 12 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 267/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và tranh chấp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 333/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh C.

Bị đơn: Ông Nguyễn Chí C1, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị C (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh C.

2. Bà Nguyễn Thị C2, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm K, thị trấn C, huyện C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 6 năm 2024 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị P trình bày: Vào khoảng tháng 02/2022, giữa bà P và ông Nguyễn Chí C1 có mối quan hệ mua bán cua thịt, bán lại cho thương lái để có tiền thu nhập cùng có lợi. Quá trình mua bán, làm ăn, ông C1 đến tại nhà bà P để

thu mua của dài hạn nhiều lần có trả, có thiếu, đến khi tổng kết lại ông C1 nợ bà số tiền 65.700.000 đồng. Sau đó ông C1 cho rằng mua của thua lỗ, nói bẻ nợ và hứa sẽ trả dần cho bà, bà P đồng ý nhưng ông C1 không thực hiện. Bà P có đến nhà ông C1 gặp bà Nguyễn Thị C2, bà C2 có hứa sẽ trả nợ thay ông C1 nhưng bà C2 vẫn không thực hiện. Đến cuối năm 2022 ông C1 có gửi qua số tài khoản của bà trả số tiền 500.000 đồng. Từ đó đến nay ông C1 không trả cho bà P khoản tiền nào. Ngoài ra tháng 10 năm 2021 ông C1 có nhờ bà P tham gia giùm một phần hội giá 2.000.000 đồng, dây hội gồm 27 phần, dây hội mở ngày 30/10/2021 âm lịch do bà Phạm Thị C làm chủ. Ông C1 bỏ hội hót lần thứ hai với số tiền 34.160.000 đồng. Sau khi hót hội ông C1 có đưa tiền cho bà P đóng hội chết 04 lần là 8.000.000 đồng. Tính từ ngày 30/02/2022 đến nay, do bảo lãnh nên bà phải đóng hội chết cho ông C1 tất cả là 20 lần tương đương 40.000.000 đồng.

Nay bà P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Chí C1 trả cho bà P với tổng số tiền là 105.200.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Chí C1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị C và bà Nguyễn Thị C2 đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng ông C1, bà Chín và bà C2 vắng mặt không lý do và không cung cấp lời khai, chứng cứ về yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị P khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Chí C1 thanh toán tiền mua hàng và tiền hội; bị đơn ông Nguyễn Chí C1 có địa chỉ cư trú tại huyện P, tỉnh C. Do đó, đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Chí C1, bà Phạm Thị C và bà Nguyễn Thị C2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Chí C1, bà Phạm Thị C và bà Nguyễn Thị C2.

[3] Tại phiên tòa, bà P xác định ông Nguyễn Chí C1 có đến nhà bà để thu mua của thịt và còn nợ bà số tiền 65.200.000 đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình, tại phiên tòa bà Trần Thị P cung cấp các tin nhắn giữa bà với ông C1 và file ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà P với ông C1. Tuy nhiên, qua xem xét các tin nhắn, cuộc hội thoại đã được trích xuất thành văn bản mà bà P cung cấp không thể hiện được ông Nguyễn Chí C1 có nợ tiền của bà P và nợ tiền gì, số tiền cụ thể là bao nhiêu.

Ngoài ra vào tháng 10 năm 2021 ông C1 có nhờ bà P tham gia giùm một phần hội giá 2.000.000 đồng, dây hội gồm 27 phần, dây hội mở ngày 30/10/2021

âm lịch do bà Phạm Thị C làm chủ. Ông C1 bỏ hụi hốt lần thứ hai với số tiền 34.160.000 đồng. Sau khi hốt hụi ông C1 có đóng hụi chết 04 lần là 8.000.000 đồng. Tính từ ngày 30/02/2022 đến nay, do bảo lãnh nên bà phải đóng hụi chết cho C1 tất cả là 20 lần tương đương 40.000.000 đồng, bà P có cung cấp Đơn trình bày của bà Nguyễn Thị C3 nội dung là bà C3 có biết việc bà P tham gia hụi dùm cho ông C1 và có hốt số tiền đúng như bà P trình bày. Tuy nhiên, trong Đơn trình bày thể hiện bà C có biết việc bà P tham gia hụi giùm cho ông Nguyễn Chí C1 nhưng theo Đơn trình bày không thể hiện ông C1 có đóng hụi cho bà P và ông C1 có nợ tiền hụi bà P, những lời xác nhận của bà C chỉ nghe bà P trình bày. Mặt khác, quá trình tổng đạt các văn bản tố tụng bà Nguyễn Thị C3 xác định bà có họ và tên là Phạm Thị C chứ không phải là Nguyễn Thị C3.

Đến cuối năm 2022 ông Nguyễn Chí C1 có trả cho bà P số tiền 500.000 đồng và còn nợ lại 65.200.000 đồng. Đối với ông Nguyễn Chí C1, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến gì về việc yêu cầu của bà P và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để phản đối yêu cầu của bà P.

Do đó, yêu cầu của bà Trần Thị P, buộc ông Nguyễn Chí C1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà P số tiền bán của 65.200.000 đồng và tiền hụi 40.000.000 đồng là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà Trần Thị P không được chấp nhận nên bà P phải chịu án phí. Ông Nguyễn Chí C1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 430, Điều 440, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 về hụi, họ, biêu, phường; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị P. Về việc buộc ông Nguyễn Chí C1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị P số tiền 105.200.000 đồng (một trăm lẻ năm triệu hai trăm nghìn đồng).

2. Về án phí:

Bà Trần Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5.260.000 đồng, bà P đã nộp tiền tạm ứng án phí 2.625.000 đồng (hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003584 ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Chi cục

thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Đối trừ bà Trần Thị P phải nộp thêm 2.635.000 đồng.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, bà Trần Thị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Chí C1, bà Nguyễn Thị C2 và bà Phạm Thị C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- CCTHADS huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Sơn Ngọc Trọng